

# ĐỊNH CHẾ TƯỚNG PHONG THỜI LÊ SƠ VÀ VAI TRÒ CỦA BỘ LẠI TRONG VIỆC BAN PHONG TƯỚNG VỊ

Phạm Hoàng Mạnh Hà\*

## 1. Tước phong và định chế phong tước thời Lê sơ

### *Khái niệm*

Căn cứ một diễn biến lịch sử năm 1427, sau khi ban phong cho một số công thần, Bình Định vương Lê Lợi có khuyên nhủ: “Chức, tước đã cao, sớm khuya chớ có lơ là, không được thỏa mãn mà xao nhãng lập công” - có thể thấy, “chức” và “tước” là hai tiêu chí để phân cấp quan lại thời kỳ này.

Thời Lê sơ, để có “chức”, người ta phải trải qua ba hình thức chính là thi cử (lệ khoa cử), giới thiệu (lệ bảo cử) hoặc dựa vào ân đức của cha ông mà được bổ dụng (lệ ám sung) (Lê Kim Ngân 1963: 115-123). “Chức” gắn với quan trường, biểu thị cho “quyền lực”. “Tước” không gắn với quan trường (trừ trường hợp quan lại được phong “tước”), biểu thị cho “danh vọng”.

Nói cách khác, “tước” mang ý nghĩa là sự tưởng thưởng, điều này được minh chứng bằng một nội dung trong lời hịch Lương Đắc Bằng viết năm 1509 khi kể tội vua Lê Uy Mục: *Quan tước đã hết rồi vẫn thưởng tràn không ngớt, dân chúng đã cùng khổn còn vợ vét chẳng thôi!* (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 528).

Như vậy, tước vị là một dạng phần thưởng, được ban phong cho hoàng tông, quan lại (và một số đối tượng khác) dựa trên tiêu chí “thân - sơ” của huyết thống (với người hoàng tộc) hay nhiều - ít của công lao (với công thần, quan lại). Có thể căn cứ vào tên hiệu của tước để xác định đẳng cấp, vị thế của người được ban phong.

### *Định chế tước phong thời Lê sơ*

Việc ban phong tước vị thời Lê sơ chủ yếu được áp dụng với hai nhóm đối tượng: Hoàng thân và quan lại (Thời Lê sơ còn có hiện tượng ban thưởng 1 tư cho “bách tích” - người già hơn 70 tuổi nhưng không phổ biến).

*Vương* là tước vị cao nhất áp dụng với đối tượng thuộc hoàng tộc, thậm chí phải là trực hệ bề dưới của Hoàng đế. Thời gian đầu, Hoàng tử nhà Lê sơ chỉ được phong tước *Quận công* (*Lương Quận công*, *Khai Quận công*). Đây dường như là đặc điểm của một vương

\* Ths. Phòng Nghiên cứu - Lưu trữ, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia

triều mới được tạo dựng khi vai trò của các văn thân, võ tướng còn rất lớn nên Lê Thái Tổ đề cao “công thần” hơn “hoàng tộc”.

Bước sang giai đoạn trị vì của Lê Nguyên Long thì định chế phong *Vương* cho người hoàng tộc từng bước được hoàn chỉnh. Sau khi lập rồi phế Nghi Dân, tháng 11 năm 1441, Lê Thái Tông lập Bang Cơ làm Hoàng thái tử. Cùng năm, người đứng đầu triều đình quân chủ đương thời phong Nghi Dân tước *Lạng Sơn Vương*, phong Hoàng tử Khắc Xương làm *Tân Bình Vương*. Đây có thể xem là sự kiện đặt nền móng cho định chế “phong Vương cho người hoàng tộc” dưới thời Lê sơ. Kể từ thời Lê Thái Tông trở về sau, tất cả Hoàng tử của nhà Lê sơ đều được phong tước *Vương*.

Đến niên hiệu Quang Thuận, sau sự kiện Lê Thánh Tông xưng Quốc hoàng, định chế phong *Vương* cho hoàng thân, quốc thích được *văn bản hóa*. Ngày 26/6/1471, Hoàng đế Lê Thánh Tông hiệu định Hoàng triều quan chế. Việc phong “Vương” (tước) cho hoàng tộc tuân theo tiêu chí:

- Hoàng tử (Thân vương) được phong “Vương”, lấy phủ làm hiệu như phủ Kiến Hưng (Phan Huy Chú 1960: 627) thì hiệu là *Kiến Hưng Vương* (Phan Huy chú chép là *Kiến Xương Vương*).

- Thế tử (tự Thân vương - con của Hoàng tử) lấy huyện làm hiệu như huyện Hải Lăng thì hiệu là *Hải Lăng Vương* (Viện Nghiên cứu Hán - Nôm 2006: 369).

Quan chế cho hoàng tộc cùng với những quy định, cải cách của Lê Thánh Tông trở thành chuẩn mực để các đời vua sau áp dụng.

Dưới *Vương* (tước) là hệ thống “ngũ đẳng” gồm 5 tước phong, lần lượt từ cao xuống thấp là: *Công* 公, *Hầu* 侯, *Bá* 伯, *Tử* 子, *Nam* 男.

Ở Trung Quốc, hệ thống “ngũ đẳng” này đã định hình từ thời Đông Chu (770-221 trước Công nguyên), còn tại Việt Nam, các vương triều nhà Ngô - Đinh - Tiền Lê bắt đầu sử dụng tước vị “Vương”, Công để ban phong. Đến thời Lê sơ, đặc biệt là thời điểm vua Lê Thánh Tông đặt quy định về quan chế hoàng triều, việc phong tước thuộc “ngũ đẳng” tuân thủ những định chế sau:

*Tước Quốc công*: chỉ xuất hiện từ thời Lê Thánh Tông trở về sau, được dùng để ban phong cho hai đối tượng: công thần và người hoàng tộc với những định chế nghiêm ngặt về đối tượng, hiệu:

- *Với công thần*, phải là người “công to, đức lớn”. Người được ban phong lấy phủ, huyện làm hiệu nhưng chỉ dùng một chữ (chữ đầu tiên của phủ, huyện). Ví dụ *Thường Quốc công* - chữ “Thường” để chỉ phủ Thường Tín. *Tuyên Quốc công* - chữ “Tuyên” tức phủ Tuyên Quang.

- *Hoàng tộc*: các con của Hoàng thái tử và Thân vương, dùng mỹ tự làm hiệu như *Triệu Khang công*.

*Tước Quận công*: Sau Khởi nghĩa Lam Sơn (tháng 2/1428), tước vị này được dùng để ban cho Hoàng tử (*Khai Quận công* Lê Tư Tề, *Lương Quận công* Lê Nguyên Long). Trải suốt ba triều đại sau (Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, Lê Nghi Dân) lệ này vẫn được duy trì và phải đến niên hiệu Quang Thuận, vua Lê Thánh Tông mới ban phong *Quận công* cho một số bề tôi có công lớn trong việc đưa Lê Tư Thành lên ngôi: *Quỳ Quận công* Nguyễn Xí, *Lân Quận công* Đinh Liệt.

Nguyên tắc ban phong tước *Quận công* tương đồng với *Quốc công*, cụ thể như sau:

- *Công thần*: Lấy phủ, huyện làm hiệu nhưng chỉ dùng một chữ, ví dụ *Sùng Quận công*, chữ “Sùng” tức huyện Sùng An.

- *Hoàng tộc*: Áp dụng cho các con của Hoàng thái tử và Thân vương, dùng mỹ tự làm hiệu như *Triệu Khang công*.

*Tước Hầu*: Thời vua Lê Thái Tổ đa số quan lại, tướng sỹ có công lớn trong Khởi nghĩa Lam Sơn đều được phong *Hầu*, gồm 9 cấp bậc: *Huyện thượng Hầu* (Lê Văn, Lê Sát, Lê Văn Xảo), *Á thượng Hầu* (Lê Ngân), *Hương thượng Hầu* (Lê Lý, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng), *Đình thượng Hầu* (14 người), *Huyện Hầu* (14 người), *Á Hầu* (26 người), *Quan nội Hầu* (16 người), *Quan phục Hầu* (16 người) và *Trước phục Hầu*.

Thời Lê Nghi Dân, dù không giữ tất cả 9 tên gọi này nhưng định chế phong *Hầu* bằng cách phân cấp vẫn được áp dụng. Nhiều quan lại nhà Lê sơ được thăng hoặc ban tước *Hầu* như: *Á quận Hầu* (Nguyễn Xí, Đinh Liệt), *Á thượng Hầu* (Lê Lăng), *Đình thượng Hầu* (Lê Niệm), *Á Hầu* (Lê Nhân Thuận), *Quan nội Hầu* (Lê Nhân Khoái), *Quan phục Hầu* (Trịnh Văn Sái).

Đến thời Lê Thánh Tông, việc ban phong *Hầu tước* được “luật hóa”, theo đó thành tước phong cho trưởng nam của người có tước *Công* (Tự thân vương). Tước hầu của công thần và vương hầu, quý tộc được Lê Thánh Tông phân biệt bằng *hiệu*:

+ Nếu là công thần có công, đức sẽ lấy tên xã làm hiệu, dùng cả hai chữ: *Nam Xương Hầu* (xã Nam Xương).

+ Với người hoàng tộc, tước hầu được ban cho con trưởng của Tự thân vương hay Thân công, lấy mỹ tự (chữ đẹp) làm hiệu, ví dụ: *Vĩnh Kiến Hầu*.

*Tước Bá*: Không xuất hiện ở các triều đại trước Lê Thánh Tông, năm 1971, niên hiệu Hồng Đức, người đứng đầu nhà nước quân chủ Đại Việt đặt ra những quy định cụ thể trong việc phong *Bá tước*, gồm hai đối tượng: quan lại và người hoàng tộc.

+ Công thần có công, đức được phong *Bá tước* sẽ lấy tên xã làm hiệu, dùng cả hai chữ (giống như hầu tước): *Diên Hà Bá* (xã Diên Hà).

+ Các đối tượng được phong bá tước của hoàng tộc gồm: Hoàng thái tôn, các con của Tự thân vương, Tự thân công và con trưởng của Thân công chúa. Hiệu là chữ đẹp (mỹ tự), ví dụ như *Tĩnh Cung Bá*.

*Tước Tử và tước Nam*: Chỉ xuất hiện từ thời Lê Thánh Tông trở về sau, là tước phong tập ấm trong hoàng tộc (không áp dụng với quan lại) (Lê Quý Đôn 2007: 149). Vai trò của đối tượng được phong *Tử, Nam* rất nhạt nhòa, hầu như không xuất hiện trên vũ đài chính trị. Định chế phong *Tử, Nam* được quy định năm 1471, cụ thể như sau:

+ *Tước Tử*: các con của Thân công chúa và con trưởng của người có tước “Hầu”, tước “Bá” được phong, lấy mỹ tự làm hiệu (ví dụ *Diên Xương tử*).

+ *Tước Bá*: con trưởng của Thân công chúa được truy tặng và các con của tước “Hầu”, tước “Bá” được phong, lấy mỹ tự làm hiệu (ví dụ: *Quảng Trạch Nam*).

Bên cạnh hệ thống 6 tước vị này, nhà Lê sơ lại định thêm những hiệu khác nhau, tùy theo tính chất sự việc và đối tượng được ban phong, đáng kể là một số tước vị sau:

*Tước Trí tự*: xuất hiện từ triều vua Lê Thái Tổ, được ban phong “cho những hỏa thủ và quân nhân của quân Thiết đột có công lao siêng năng khó nhọc ở Lũng Nhai”. Theo đó, có 52 người được ban tước *Thượng Trí tự*, 72 người được ban tước *Đại Trí tự* và 94 người được ban tước *Trí tự*.

Về tước phong này, hầu hết các nhà nghiên cứu đương đại đều khẳng định: *Trí tự* là tước nhưng không chứng minh hay đưa ra kiến giải cụ thể. Trong công trình *Sử học bị khảo*, Đặng Xuân Bảng lại đưa ra luận điểm trái ngược: *Trí tự* là *huân*, đồng thời khẳng định: *Thượng Trí tự Quan nội Hầu* (tước phong năm 1428 thời vua Lê Thái Tổ) bao gồm *huân* (*Thượng Trí tự*) và tước (*Quan nội Hầu*) (Đặng Xuân Bảng 1997: 1959).

Tuy nhiên, căn cứ vào minh văn của *Thụy Cung Vũ chi thạch bi* (bia đá về nhân vật có tên Thụy Cung Vũ - tức Lê Lộng), đặc biệt là chi tiết: *Quang Thuận lục niên Ất Dậu lục nguyệt thăng, Nhập nội Kiểm hiệu Đại Đô đốc, Bình chương sự; nhưng Chương Nam đạo Đô Đốc phủ, Tả Đô đốc, Thượng Trí tự tước, tự Quan nội Hầu lữ gia chí Huyện Thượng Hầu, viết Thượng Trí tự tông kim chế kỳ niên* (Phạm Thị Thùy Vinh 2014: 335-340).

Dịch nghĩa: Cuối tháng 6 năm Ất Dậu niên hiệu Quang Thuận thứ 6 thăng chức (cho Lê Lộng) Nhập nội kiểm hiệu Đại Đô đốc Bình chương sự. Lại được thăng Chương Nam đạo Đô Đốc phủ, Tả Đô đốc, tước *Thượng Trí tự*. Từ tước *Quan Nội Hầu* nhiều lần gia phong đến *Huyện Thượng Hầu*, rồi đến *Thượng Trí tự*.

*Thụy Cung Vũ chi thạch bi* đặt *Quan nội Hầu - Huyện Thượng Hầu - Thượng Trí tự* trong “trương quan thăng tiến” nên chúng phải tương đương về nội hàm, ý nghĩa (cùng là tước vị). Do đó, chúng tôi cho rằng chữ *Trí* là một tước phong đặc biệt dưới thời vua Lê Thái Tổ. Điều này có nghĩa giai đoạn đầu của nhà Lê sơ có hiện tượng *song tước*. Một cá nhân được phong *Hầu* nhưng nếu thuộc “hỏa thủ và quân nhân của quân Thiết đột” sẽ được ban thêm tước *Trí tự*.

Trong *Kiến văn tiểu lục* (Lê Quý Đôn 2007: 149, khi khảo sát về 12 tước vị thời vua Lê Thái Tổ, nhà sử học Lê Quý Đôn thống kê từ *Trí tự* đến *Huyện Thượng Hầu*, không rõ đây

là cách thống kê từ tước vị thấp nhất (*Trí tự*) đến cao nhất (*Huyện Thượng Hầu*) hay chỉ là những ghi chép ngẫu nhiên (?) bởi nếu căn cứ thông tin của *Thụy Cung Vũ chi thạch bi* (Từ tước *Quan nội Hầu* nhiều lần gia phong đến *Huyện Thượng Hầu*, rồi đến *Thượng Trí tự*) thì Trí tự cao hơn *Hầu* tước, *Thượng Trí tự* là tước vị cao nhất.

*Tước Minh tự*: Được Lê Thái Tông ban phong cho Đạo Miện châu Nam Mã năm 1439 với hàm ý khen ngợi sự “sáng suốt” của người đứng đầu vùng đất trước đây thuộc Ai Lao nhưng tình nguyện quy thuận Đại Việt. (*Đại Việt sử ký toàn thư* còn chép sự kiện Lê Như Tổ được ban tước Minh tự tháng Tư năm 1434 nhưng không cung cấp thông tin về tước phong này (Lê Văn Huru, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 367).

Ngoài ra, nhà Lê sơ còn áp dụng thể lệ ban *Tư/Thông tư*. Lê Kim Ngân lý giải chữ *tư* xuất phát từ “tư cách”, căn cứ vào những ghi chép trong *Đường thư* (Mục *Bách quan chí* phân cấp quan lại: *Thượng tư, Trung tư và Hạ tư*. Mục *Tuyển cử chí* cho biết: năm 730 nhà Đường đặt ra lệ “tuần tư cách” - theo tư cách để bổ dụng (Lê Kim Ngân 1963: 144).

*Đại Việt sử ký toàn thư* cho chúng ta thông tin, dù sơ lược nhưng rất quan trọng để hiểu *Tư*, đó là năm 1429 khi Lê Lợi về bãi yết sơn lăng, các tướng và quân nhân theo hầu “mỗi người được thăng 1 tước bậc” (Lê Văn Huru, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 359), những cá nhân đang có tước *Thượng Trí tự* và *Đại Trí tự* được thăng tước *1 tư*.

Như vậy, phải chăng “tư” chưa phải tước mà chỉ là một bậc/ngạch của tước. Mỗi tước vị bao gồm nhiều bậc (tư), khi *đủ tư* sẽ thăng tước cao hơn?

## 2. Vai trò của Lại Bộ trong việc ban phong tước vị

Đề cập đến vai trò của Bộ Lại (Lại Bộ) trong bộ máy chính quyền quân chủ Việt Nam, hầu hết các nhà nghiên cứu đều khẳng định, đại ý: Đây là cơ quan chuyên trách trong công tác tổ chức quan lại. Nhận định này không sai nếu dựa vào những ghi chép của tác giả *Lịch triều hiến chương loại chí*:

- Chức vụ Lại Bộ là cân nhắc nhân tài, tuyển bổ, khảo hạch, thăng giáng chức ty... (niên hiệu Dương Đức thứ ba - 1674).

Điều này tiếp tục được Phan Huy Chú khẳng định khi khảo cứu về quan chế nhà Lê Trung hưng sau đó một năm (niên hiệu Đức Nguyên thứ hai, tức năm 1675): *Định sự lệ về chức vụ của sáu bộ, ba ty. Bộ Lại giữ công việc quan tước, chọn bổ, xét hạch, thăng giáng và các việc điền bổ, cấp cho (bổng lộc)*.

*Lịch triều hiến chương loại chí* còn ghi chép về chức năng của Lại Bộ những triều đại sau như:

- Năm Cảnh Hưng thứ 12 (năm 1751): *Cân nhắc nhân vật, bổ dùng các quan chức trong ngoài*.

- Năm Chiêu Thống thứ nhất (1787), Chức vụ Lại Bộ là chuyên giữ công việc trao quan phong tước, chọn bổ, xét hạch, thăng giáng và các việc điền bổ (chức khuyết), cấp cho (bổng lộc) (Phan Huy Chú 1960: 574, 576, 584, 597).

Tuy nhiên, nếu xem đó là căn cứ để khẳng định: Lại Bộ thời Lê sơ phụ trách việc ban phong tước vị thì chưa thật sự thuyết phục.

### ***Sự xuất hiện của Bộ Lại và tổ chức Lại Bộ thời Lê sơ***

Trước thời Lê sơ vai trò của Lại Bộ trong bộ máy chính quyền quân chủ chỉ là những nét chấm phá rất mờ nhạt. Cuối thời Trần, sử cũ mới cho biết vài thông tin về công việc của Bộ Lại, liên quan đến sự kiện Lê Quý Ly (tức Hồ Quý Ly) chỉ đạo xây dựng thành Tây Đô: *Niên hiệu Quang Thái năm thứ 10 (tức năm 1397), mùa xuân, tháng Giêng, sai Lại Bộ Thượng thư kiêm Thái sư lệnh Đỗ Tĩnh (có sách chép là Mẫn) đi xem đất và đo đạc động An Tôn phủ Thanh Hóa, đắp thành đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố...* (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 280).

Không rõ đây là công việc chính hay chỉ là kiêm nhiệm của Lại Bộ giai đoạn *mạt Trần* (?), nhưng đối chiếu với chức năng lục bộ sau này thì phần việc “đắp thành đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố” vốn của Bộ Công nhưng lại do người đứng đầu Lại Bộ thực hiện. Như vậy thì phải chăng là đến hết thời Trần, Lại Bộ chưa phải cơ quan chuyên trách về công tác quan lại?

Đến năm 1427, vai trò của Lại Bộ trong Khởi nghĩa Lam Sơn cũng chưa thật sự rõ ràng. Sự kiện Nguyễn Trãi được *Lam Sơn động chủ* bổ nhiệm chức vụ *Nhập nội hành khiển, Lại Bộ Thượng thư kiêm hành Khu mật viện sự* cho thấy sự hiện diện của Bộ Lại trong bộ máy nhà nước quân chủ sơ khai Lê sơ, song có lẽ do tình hình chiến sự lúc bấy giờ nên chức năng chính của Lại Bộ không được thực thi, Thượng thư Bộ Lại (Nguyễn Trãi) được giao việc thảo thư từ và những công việc khác liên quan đến giấy tờ nhằm mục đích hạ thành Đông Quan.

Kể từ khi Lê Thái Tổ lên ngôi, thời kỳ đầu, nhà Lê Sơ chỉ đặt 2 bộ là Bộ Lại và Bộ Lễ. Theo Viện Sử học (2007: 149-150), ngoài hai Bộ này còn có Bộ Dân. Suốt hơn 3 thập kỷ (từ năm 1428-1460), Lại Bộ và Lễ Bộ là hai tổ chức điều hành toàn bộ hoạt động, tổ chức nhà Lê sơ qua 3 triều đại: Thái Tổ, Thái Tông và Nhân Tông.

Sự phân quyền (cắt giảm quyền lực hay giảm tải công việc) trong chính quyền trung ương nhà Lê Sơ được thực thi vào năm 1460 dưới triều đại Lê Nghi Dân. Trên cơ sở hai Bộ đã nêu, Lê Nghi Dân đặt thêm 4 cơ quan ngang cấp là Hộ Bộ, Binh Bộ, Hình Bộ và Công Bộ. Đồng thời đặt thêm 6 khoa là Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa và Bắc khoa (Quốc sử quán triều Nguyễn (2007: 980).

Đến năm 1465, vua Lê Thánh Tông đổi 6 Bộ thành 6 Viện tương ứng. Lục khoa cũng được đổi tên (giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ): Trung thư khoa thành Lại khoa, Hải khoa thành Hộ khoa, Đông khoa thành Lễ khoa, Tây khoa thành Hình khoa, Nam khoa thành Binh khoa và Bắc khoa thành Công khoa (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 436).

Năm 1466, Lê Thánh Tông bỏ *lục viện*, đặt lại *lục bộ*. Kể từ đây, cơ cấu tổ chức của Lại Bộ mới thực sự rõ nét.

Bộ Lại có 3 nhân sự chủ chốt là Thượng thư và Tả Thị lang, Hữu Thị lang. Giúp việc cho “lục Bộ” là “lục Tự” (Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thường bảo tự, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là Thượng bảo tự tiền thân là Biên khoa (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 436)). Các triều đại sau Lê Thánh Tông có thể cắt giảm hoặc bổ sung thêm một vài chức vụ song cơ cấu của “lục bộ” (trong đó có Lại Bộ) không thay đổi. Các cơ quan Bộ Lại gồm Ban chỉ huy, cơ quan chuyên trách (Thuyên khảo thanh lại ty) và cơ quan thường trực (Tur vụ sảnh). Thời Hồng Đức, tổng số thuộc lại làm việc ở Lại Bộ là 80 người (Phan Huy Chú 1960: 549).

- Ban chỉ huy gồm có 3 người, đứng đầu là Thượng thư (hàng Tòng nhị phẩm) rồi đến Tả - Hữu Thị lang (cùng hàng Tòng tam phẩm) điều hành toàn bộ công việc Bộ Lại.

- Cơ quan chuyên trách: Thuyên khảo thanh lại ty đặc trách việc thuyên chuyên, lựa chọn, bổ dụng và khảo sát quan lại. Đứng đầu ty là Lang trung (Chánh lục phẩm), giúp việc cho Lang trung là Viên ngoại lang (Tòng lục phẩm).

- Cơ quan thường trực: Lại Bộ (và 5 Bộ còn lại) đều có cơ quan thường trực là Tur vụ sảnh, đứng đầu là Tur vụ (hàng Chánh bát phẩm) chuyên điều hành công việc thường nhật (Lê Kim Ngân 1963: 53).

#### ***Chức năng của Bộ Lại thời Lê sơ***

Chức năng của Lại Bộ được quy định năm Chiêu Thống thứ nhất (1787), được “tham chiếu quan chế cũ đời Hồng Đức mà định lại” (Phan Huy Chú 1960: 549).

Như *Lịch triều hiến chương loại chí* đã đề cập - Lại Bộ giữ vai trò chính trong công tác quan lại. Lê Kim Ngân (1963) trong *Tổ chức chính quyền dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497)* đã khái quát được ba chức năng chủ đạo: Tuyển bổ và lựa chọn, khảo xét và thăng giáng, phong tước cho quan lại.

Nhận định này không sai với hai chức năng đầu (tuyển bổ và lựa chọn, khảo xét và thăng giáng quan lại). Trên thực tế, sự kiện Lại Bộ phụ trách công tác thăng - bổ quan chức đã được khẳng định từ tháng 7 năm 1461: Thượng thư Bộ Lại Nguyễn Như Đổ cùng Nguyễn Thiện đề cử Đỗ Bất Một làm Tổng tri vệ Bắc Bình (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 428).

Đến năm 1467, dấu ấn của Lại Bộ trong công tác quan lại càng trở nên rõ nét, minh chứng bằng một số sự kiện:

- Đầu tháng 4 năm 1467, (Lê Thánh Tông) “*hạ lệnh cho quan Lại Bộ rằng: Các chức quan văn võ, người nào chân trắng mới bổ và những người bị giáng chức hay đã nghỉ việc, đều làm bằng ban cấp cho*”.

- Năm 1467, Lại Bộ Thượng thư Nguyễn Như Đồ tâu rằng: *Những người thi hội đỗ kỳ thi thứ hai và kỳ thi thứ ba, sung bổ lại viên các nha môn, nay thi đỗ giáo chức, nên bổ vào các chức kinh lịch.*

Kể từ đây đến hết thời Lê sơ, công tác quan lại được giao hẳn cho Bộ Lại. Tổ chức này trở thành cơ quan chuyên trách trong tuyển bổ, thăng giáng, khảo xét, sa thải, điều chuyển quan lại. Có thể kể thêm một số dẫn chứng như sau:

- Năm 1499, tháng 6, ngày 19, tâu bót lại viên. (Vua) *Sắc cho Lại Bộ Thượng thư Trần Cận rằng: Vào phép nước mà đục khoét là thói tệ của bọn lại, thường xuyên sa thải là quy chế của quốc gia.*

- Năm 1514, mùa đông, tháng 10, ngày 17, Phạm Trí Năng tâu rằng: *Kể từ nay, khi bổ dụng quan chức, Lại Bộ phải theo như lệ đời Hồng Đức, chọn những viên nào ở chức lâu năm, đủ lệ bộ khảo khóa, có công tích, lòng dân thuận phục mới được thăng bổ. Nếu thuyên bổ không đúng thì Hình Bộ sẽ theo luật trị tội* (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 446, 447, 505, 543).

### **Lại Bộ với việc ban phong tước vị**

Tuy nhiên, ở chức năng thứ ba (phong tước cho quan lại), giới hạn của Lại Bộ *công tác quan lại* đến đâu?

Xét các sự kiện:

- Tháng 2 năm 1428, Lê Thái Tổ tiến hành “Đại hội các tướng và các quan văn võ để định công, ban thưởng (trong đó có ban phong tước vị).

- Năm 1435, vua Lê Thái Tông quyết định thưởng *tư* cho quan lại, theo tiêu chí “thâm niên, siêng năng, tài cán”.

Chúng tôi ban phong tước vị là đặc quyền của người đứng đầu nhà nước quân chủ Lê sơ. Hoàng đế trực tiếp xét định công lao và ban thưởng (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 351), cũng là người định ra tiêu chí (không có vai trò của Lại Bộ trong các sự kiện này).

Tiến thêm một bước, đến niên hiệu Quang Thuận, Lê Thánh Tông đã “luật hóa” việc phong tước bằng những quy chuẩn nghiêm ngặt khi hiệu định quan chế hoàng triều (đặt ra quy định phong *Vương tước - Công tước - Hầu tước - Bá tước - Tử tước - Nam tước, Trí tự, Minh tự, Thông tự...* mà chúng tôi đã đề cập). Ở góc độ biện pháp trừng phạt, các hình thức *bãi tước, biếm tư* cũng do đích thân vua Lê ra quyết định.

Định chế phong tước trở thành một trong những nội dung của Quốc triều hình luật (như Điều 22, 27, 45 chương Danh lệ, Điều 4, 42 chương Vệ cấm; Điều 2, 43, 51 chương Vi chế...) cho thấy, bất kỳ đối tượng nào tự ý ban phong (thậm chí chỉ là thêm bót phẩm, trật) đều bị trừng trị *đồ* hoặc *lưu* (Điều 106, chương Vi chế) (Viện nghiên cứu Hán - Nôm



2006: 93). Nói cách việc, chỉ duy nhất người đứng đầu nhà Lê sơ mới được ban phong tước vị. Sắc dụ hiệu định quan chế (trong quan chế triều Lê sơ có các quy định về việc định tước phong cho hoàng tôn liệt tước, và huân thân liệt tước (Viện nghiên cứu Hán - Nôm 2006: 369-370), ngày 26/9/1471 (Hong Đức năm thứ hai) khẳng định: “*Kẻ nào dám viển dẫn tiên chế, càn rỡ nghịch bần một chức quan, thay đổi một chức vụ đấy là kẻ bề tôi phản nghịch, làm loạn hiến pháp, sẽ phơi thây ngoài chợ!*” (Viện nghiên cứu Hán - Nôm 2006: 367-368).

Vậy thì nhận định “*Bộ Lại giữ công việc quan tước, chọn bổ, xét hạch, thăng giáng và các việc điền bổ, cấp cho*” của Phan Huy Chú (1960: 597) nên chăng cần giới hạn và hiểu “*công việc quan tước*” của Lại Bộ trong phạm vi thi hành lệnh vua và từ ngày 26/9/1471 (*Thiên nam dư hạ tập* chép là năm 1470) trở về sau là thực thi theo quan chế mà vua Lê Thánh Tông ban hành (Hoàng triều quan chế).

Việc thực thi này chỉ được áp dụng trong một số trường hợp nhất định và tiến hành theo trình tự như sau:

- Với quan lại, quý tộc đương chức: Từ những thông tin của quan Chính đường đưa sang, Lại Bộ sẽ căn cứ vào Hoàng triều quan chế để ra sắc mệnh công nhận.

- Với quan lại, quý tộc đã khuất: Chiếu theo văn bản của Bộ Lễ gửi sang, Lại Bộ dựa trên chức, tước, phẩm hàm được triều đình truy tặng (cho người quá cố) để ra sắc mệnh (phê duyệt) rồi chuyển về cho Bộ Lễ để Bộ Lễ chính thức ban hành. Quy định cho Lại Bộ dưới thời Lê Chiêu Thống (1786-1789). Tuy nhiên, Phan Huy Chú (1960: 549) có chú thích: Nhà vua ra lệnh *tham chiếu quan chế cũ đời Hồng Đức*, chúng tôi hiểu quan chế thời Chiêu Thống tương đồng với quan chế thời Hồng Đức...

Tóm lại, trong bộ máy chính quyền nhà Lê sơ, Lại Bộ giữ vai trò rất quan trọng trong việc tuyển bổ, lựa chọn cũng như khảo xét và thăng - giáng nhưng chỉ ở góc độ chức vụ, quyền hạn của quan lại. Tổ chức này không có vai trò quyết định trong việc ban phong cũng như ra hình phạt với người có tước vị.

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Xuân Bảng 1997, *Sử học bị khảo*, bản dịch, Viện Sử học & Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1997.
2. Phan Huy Chú 1960, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Quý Đôn 2007, *Kiến văn tiểu lục*, (bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Hinh, “Thủ tìm hiểu quan chế phong kiến Việt Nam so sánh với quan chế Trung Quốc”, trích tập *Văn minh nhà nước*, Đề tài Khoa học mã số 06-03.

5. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993, *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch (1985 - 1992), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, (phiên bản điện tử của tác giả).

6. Lê Kim Ngân 1963, *Tổ chức chính quyền dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497)*, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.

7. Đặng Kim Ngọc 2011, *Chế độ đào tạo và tuyển dụng quan chức thời Lê sơ*, Trung tâm Hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội.

8. Đỗ Văn Ninh 2002, *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

9. Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

10. Nguyễn Minh Tường 2015, *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Phạm Thị Thùy Vinh (chủ biên) 2014, *Văn bia Lê sơ tuyển tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Viện nghiên cứu Hán - Nôm 2006, *Quốc hình triều luật*, trong cuốn *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam*, Tập I: Từ thế kỷ 15 đến 18, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

13. Viện nghiên cứu Hán - Nôm 2006, *Thiên Nam dư hạ tập*, trong cuốn *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam*, Tập I: Từ thế kỷ 15 đến 18, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Viện Sử học 2007, *Lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.149-150.

## **INSTITUTIONS OF THE CONFERMENT UNDER THE LATER LÊ DYNASTY AND THE ROLE OF THE MINISTRY OF PERSONNEL**

**Pham Hoang Manh Ha**

In the monarchical era, the title is a criterion to distinguish the rank of mandarins and members of royalty. During the Later Lê dynasty, the royal court established stringent institutions in conferring the title, based on two basic criteria: the kinship and the merit for the dynasty.

One of the functions of the Ministry of Personnel is to examine the conferment which was affirmed by Phan Huy Chu with his famous work "Categorized Records of the Institutions of Successive Dynasties". This can be considered as one of the main sources for successive historians to inquire the role of the Ministry.

However, basing on the activities of the Ministry during this period, we found that this was really just the agency implementing the Emperors' decision to grant the title. Especially from 1470 onwards, the institution of conferring noble titles became one of the contents of the "internal law" of the imperial court.